TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày 30 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Vinh;

2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST - DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vương Q, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày trình bày:*

Do có quen biết nhau nên bà T có cho ông Q vay tiền 03 lần như sau:

- Lần 01 vào lúc 12 giờ 00 phút ngày 27/8/2024 bà T cho ông Q vay 230.000.000 đồng, ông Q nói vay để thanh toán hóa đơn mua hàng và hẹn chiều ngày 27/8/2024 sẽ trả.

- Lần 02 vào lúc 13 giờ 16 phút ngày 27/8/2024 bà T cho ông Q vay tiếp 147.000.000 đồng, ông Q nói vay để thanh toán tiền sắt thép do ông Q làm công trình và hẹn chiều ngày 27/8/2024 sẽ trả.

Hai khoản vay này bà T chuyển khoản vào số tài khoản 5229205242120 của ông Q, sau đó ông Q có ký giấy nhận nợ với bà T hai lần vay trên.

- Lần 03 lúc khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27/8/2024, bà T cho ông Q vay tiếp 68.000.000 đồng, ông Q nói vay thêm số tiền này để bỏ vào hai số tiền vay lần trước để đáo hạn ngân hàng, lần vay bà T đưa tiền trực tiếp cho ông Q vay và cộng với số tiền của hai lần vay trước tổng cộng là 445.000.000 đồng. Sau đó ông Q ký giấy nhận nợ bà T với tổng số tiền là 445.000.000 đồng và hẹn đến ngày 29/8/2024 sẽ trả hết số tiền nêu trên cho bà T.

Cả bà lần vay trên vì ông Q vay trong thời gian ngắn nên bà T với ông Q không thỏa thuận tính lãi suất và ông Q cũng không thế chấp hoặc cầm cố tài sản gì cho bà T để đảm bảo. Tuy nhiên, khi đến hạn thì ông Q không trả nợ cho bà T mặc dù bà T đã nhiều lần đi đòi. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q phải trả cho bà T tổng số tiền gốc 445.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, còn trước đây bà T tạm tính tiền lãi là 30.000.000 đồng là để làm căn cứ nộp tạm ứng án phí.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Vương Q thì sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho ông Q biết tham gia tố tụng và có ý kiến đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ông Q đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của ông Q.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho bà T số tiền vay gốc là 445.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Q phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 445.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nên xác đinh quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết và xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dụng:

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ vào lời khai của nguyên và các giấy vay tiền do nguyên đơn xuất trình làm căn cứ khởi kiện đã được Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận tại Kết luận giám định số: 779/KTHS ngày 22/5/2025, xác định chữ ký và chữ viết trong các giấy vay tiền nêu trên là do ông Nguyễn Vương Q ký và viết ra, thể hiện vào ngày 27/8/2024 ông Q vay tiền của bà T 03 lần với số tiền như sau: lần 01 là 230.000.000 đồng, lần 02 là 147.000.000 đồng. Hai lần vay này bà T chuyển khoản vào số tài khoản 5229205242120 của ông Q, sau đó ông Q có ký giấy nhận nợ với bà T. Lần 03 ông Q vay tiếp của bà T 68.000.000 đồng và cộng với số tiền vay của hai lần trước thành 445.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Sau đó ông Q ký giấy nhận nợ bà T với tổng số tiền là 445.000.000 đồng và hẹn đến ngày 29/8/2024 sẽ trả hết số tiền nêu trên cho bà T. Tuy nhiên, khi đến hạn ông Q không trả nợ cho bà T theo đúng thời hạn cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần buộc ông Q phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 445.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi: Xét thấy, hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Vì vậy, khi đến hạn mà ông Q không trả nợ cho bà T thì ông Q phải chịu tiền lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để tính số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 30/8/2024 đến ngày 30/6/2025 (ngày xét xử sơ thẩm vụ án) là 10 tháng = [445.000.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 10 tháng] = 37.083.000 đồng (đã làm tròn).

[2.3] Như vậy, cần buộc ông Q phải có nghĩa vụ trả cho bà T tổng số tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/6/2025 là: 445.000.000 đồng + 37.083.000 đồng = 482.083.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, do ông Q không có mặt để tham gia tố tụng nên bà T có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Q trong giấy các giấy vay tiền đề ngày 27/8/2024 và đã nộp 5.400.000 đồng tiền chi phí giám định. Do yêu cầu của bà T là có căn cứ nên ông Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền này theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, với mức: 20.000.000 đồng + 4% x 82.083.000 đồng = 23.283.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà T không phải chịu án phí và và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 161, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470; Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc ông Nguyễn Vương Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc là 445.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 37.083.000 đồng. Tổng cộng là 482.083.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi hai triệu, không trăm tám mươi ba nghìn đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Vương Q có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.400.000 đồng *(Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng)* chi phí giám định

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Vương Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.283.000 đồng *(Hai mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).*

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 11.500.000 đồng *(Mười một triệu, năm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 6902 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định